

16225 Newhope Street  
Fountain Valley, CA 92708  
Điện thoại: (714) 663-6264  
Điện thư: (714) 663-6213  
Địa chỉ trang mạng: [www.qquasd.us](http://www.qquasd.us)

**Michelle Rushall**  
Hiệu trưởng

**Laura Schwalm, Ph.D.**  
Trưởng khu học chánh

## Bản Tổng Kết Hàng Năm, Năm Học 2008-2009

### Vài Nét về Nhà Trường

Là một trong 70 trường thuộc Khu Học Chánh Garden Grove, trường Tiểu Học Monroe dạy học sinh từ mẫu giáo đến lớp 6 cư ngụ tại thành phố Fountain Valley.

### Sự Tham Gia của Phụ Huynh

Có nhiều sinh hoạt trong khu học chánh để cho phụ huynh tham gia như tham gia vào các tổ chức phụ huynh hỗ trợ nhà trường, câu-lạc-bộ phụ huynh hỗ trợ học sinh, hội đồng nhà trường và uỷ ban cố vấn cấp khu học chánh.

Tại trường Tiểu Học Monroe phụ huynh tham gia trong các sinh hoạt như tham gia vào Hội Phụ Huynh Học Sinh (PTA), Hội Đồng Nhà Trường (School Site Council), Uỷ Ban Cố Vấn Học Sinh Trau Giỏi Anh Ngữ (English Learner Advisory Committee), dự đêm gặp gỡ thầy cô giáo sau khi tựu trường (Back-to-School Night), dự buổi tiếp đón phụ huynh đến viếng lớp (Open House), đến xem các chương trình hợp xướng và trình diễn nhạc khí, dự chương trình dạy nhạc với sự bảo trợ của dàn hợp xướng Pacific Symphony, và dự chương trình gặp gỡ những nhà hoạ sĩ giỏi (Meet the Art Masters).

Xin phụ huynh liên lạc với hiệu trưởng ở số (714) 663-6264 để biết thêm chi tiết về những sinh hoạt này.

### Ban Giám Hiệu và Nhân Viên Yểm Trợ

Lãnh đạo giỏi là yếu tố cần thiết cho một trường học ưu tú. Trường Tiểu Học Monroe được đặt dưới sự lãnh đạo của hiệu trưởng Michelle Rushall, là một nhà giáo dục chuyên nghiệp với 14 năm kinh nghiệm. Bà được bổ nhiệm làm hiệu trưởng trường Tiểu Học Monroe vào năm 2007.

Ngoài hiệu trưởng, ban giám hiệu trường có các thầy cô giáo. Trong số những trách nhiệm của mình, ban giám hiệu cố vấn về chương trình học và các chương trình ngoại khoá.

Ngoài ban giám hiệu, thầy cô giáo và các nhân viên chuyên môn còn có những nhân viên yểm trợ được huấn luyện đặc biệt để giúp cho học sinh. Những nhân viên này gồm có:

- Nhân viên liên lạc cộng đồng (Community Liaison Worker)
- Nhân viên phụ trách trắc nghiệm (School Testing Clerk)
- Chuyên viên giao tiếp cộng đồng (Community Outreach Specialist)
- Giáo viên dạy thanh nhạc (Vocal Music Teacher)
- Các phụ giáo (Instructional Aides)
- Giáo viên dạy nhạc khí (Instrumental Music Teacher)
- Nhân viên phụ trách các phương tiện truyền thông trong thư viện (Library Media Technician)
- Chuyên viên tâm lý (Psychologist)
- Giáo viên dạy thể dục cho các em khuyết tật (Adapted P.E. Teacher)
- Giáo viên lớp bổ túc đặc biệt (Resource Specialist Teachers)
- Giáo viên lớp giáo dục đặc biệt trọn ngày (Special Day Class Teacher)
- Chuyên viên dạy phát âm và luyện ngữ (Speech and Language Pathologist)
- Giáo viên tư vấn chương trình Straight Talk (Straight Talk Counselor)
- Các giám thị giờ trưa (Noon Duty Supervisors)
- Y tá / Phụ tá y tế (Nurse / Health Assistant)
- Giáo viên dạy bán thời gian (Part-Time Categorical Teacher)

### Tôn Chỉ của Chúng Tôi

Hội Đồng Giáo Dục Khu Học Chánh Garden Grove có trách nhiệm cung cấp một chương trình giáo dục đặt trọng tâm vào thành tích học tập của học sinh, với tiêu chuẩn cao, và cơ hội cho tất cả học sinh đạt được kiến thức và năng lực cần thiết để có một cuộc sống có ích. Để hoàn thành trách nhiệm này, học sinh sẽ tham gia vào một chương trình giáo dục toàn diện để đạt được những mục tiêu đề ra.

### Mục Tiêu của Chúng Tôi

Mục tiêu của Khu Học Chánh là nỗ lực giúp tất cả học sinh khi ra trường được có cùng cơ hội có nhiều sự lựa chọn khác nhau như học tiếp lên đại học, học nghề, hoặc theo đuổi một ngành chuyên môn. Để có cơ hội lựa chọn giữa những hướng đi khác nhau này học sinh cần phải nắm vững kiến thức các môn học chính theo như tiêu chuẩn tiểu bang ấn định và thông thạo tiếng Anh. Những sự thông thạo này sẽ giúp học sinh được học những môn khó ở trường trung học, tốt nghiệp, và sẵn sàng lên đại học hoặc theo đuổi nghề chuyên môn.

**Các Chương Trình Giảng Dạy của Trường**

Khu học chánh nhận được thêm tài trợ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Hiện tại, trường có những chương trình đặc biệt như sau:

- Chương trình GATE (Chương trình giáo dục dành cho học sinh có năng khiếu và giỏi)
- Chương trình giáo dục ngăn ngừa uống rượu hút thuốc (Alcohol and Tobacco Prevention Education)
- Các chương trình dành cho học sinh đang trau dồi tiếng Anh (Programs for English Language Learners)
  - ▶ Chương trình trợ cấp "Economic Impact Aid"
  - ▶ Các chương trình học Anh ngữ (English Language Acquisition Program)
  - ▶ Chương trình Title III
- Chương trình giáo dục đặc biệt (Special Education)
- Chương trình cải tiến thư viện trường (School Library Improvement Program)
- Quỹ EETT tài trợ kỹ thuật cho trường (EETT School Technology Grant)
- Chương trình Title I
- Các chương trình học thêm giờ trong ngày và học hè (Extended Day and Year Programs)
  - ▶ Các lớp sau giờ học dạy kèm học sinh gặp khó khăn (After School Intervention Classes) (khi có nhu cầu)
  - ▶ Các lớp sau giờ học giúp phát triển khả năng Anh ngữ (After School English Language Development Classes)
  - ▶ Lớp học hè và chương trình ELD (Summer School and ELD Academy)
- Chương trình Title IV (Chương trình giữ trường học và cộng đồng an toàn và không có ma túy) (Safe and Drug Free Schools and Communities)
- Chương trình nhà trẻ tiểu bang theo đạo luật AB 172 (State Preschool/AB 172)
- Chương trình sau giờ học dạy về an toàn giáo dục (After School Education Safety Program, viết tắt là ASES)
- Chương trình hướng dẫn hướng đi từ mẫu giáo đến lớp 6 (K-6 Pathways Program)

Khu học chánh Garden Grove nỗ lực giúp tất cả học sinh đều hưởng được chương trình giáo dục có phẩm chất, dựa trên các tiêu chuẩn. Nhân viên nhà trường cùng quý vị phụ huynh trong toàn khu học chánh cùng tham gia để đề ra các quyết định thông qua các tổ chức như hội đồng nhà trường, hội phụ huynh học sinh, Ban Cố Vấn Học Sinh Trau Giỏi Anh Ngữ trực thuộc khu học chánh, các buổi họp theo cấp lớp hoặc giữa các trường bộ môn, và các uỷ ban có vấn khác. Tại các trường trung học, nhân viên và phụ huynh cũng cùng tham gia vào các câu-lạc-bộ hỗ trợ học sinh.

Để có một cái nhìn toàn diện về thành tích học tập của từng học sinh, trường kết hợp sử dụng CAT6 (Trắc Nghiệm của Tiểu Bang California về Trình Độ Học, ấn bản số 6), California Standards Test (Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California), và các kết quả đánh giá dựa trên điểm gốc của khu học chánh, cùng với những phương pháp đo lường thành tích học tập khác như các bài thi do giáo viên hay ban biên soạn và in đề thi, bài tập, bài luận, tài liệu sưu tầm, nhận xét của giáo viên, các tiểu án và bài tường trình đặc biệt, và sự tham gia phát biểu ý kiến trong lớp của học sinh. Tất cả học sinh đang học tiếng Anh đều phải thi CELDT, là Trắc Nghiệm của Tiểu Bang California về Khả Năng Anh Ngữ (California English Development Test, viết tắt là CELDT).

Các trường tiểu học thuộc Khu Học Chánh Garden Grove sẽ gửi phiếu điểm về cho gia đình các em học sinh 3 lần trong năm, và sẽ gửi phiếu theo dõi tiến bộ mỗi học kỳ 3 tháng, nếu cần thiết. Các trường tiểu học sẽ tổ chức họp phụ huynh mỗi năm 2 lần.

**Thăng tiến Chuyên Môn**

Chương trình thăng tiến chuyên môn của Khu Học Chánh Garden Grove đặt trọng tâm vào phương pháp giảng dạy dựa trên sự nghiên cứu và có 4 phần: huấn luyện sơ khởi, dạy biểu diễn, hướng dẫn, và huấn luyện ở cấp thứ nhì. Việc sử dụng dữ kiện thành tích học tập của học sinh cũng giúp cho khu học chánh thấy rõ mục tiêu và kỳ vọng để vạch kế hoạch huấn luyện tại chức cho thầy cô giáo và phụ giáo.

Vào cuối tháng 8, khu học chánh tổ chức các buổi hội thảo chuyên sâu trong 5 ngày liên tiếp để nâng cấp kiến thức mới và nâng cao năng lực cho giáo viên nhằm chuẩn bị cho năm học mới. Trong khi đó thì trong suốt năm học nhân viên nhà trường có cơ hội thăng tiến chuyên môn vào sau giờ học hoặc vào những ngày trường nghỉ sớm. Trường thường xuyên tổ chức các buổi huấn luyện về cách dùng giáo trình của khu học chánh, về kỹ thuật, và về phương pháp giảng dạy dựa trên sự nghiên cứu. Ngoài những đợt huấn luyện tại chức này, mỗi năm khu học chánh dành riêng một ngày để thăng tiến chuyên môn cho tất cả giáo viên trung học trong khu học chánh.

Giáo viên mới vào nghề được tham dự chương trình huấn luyện bao quát BTSA để làm quen với công việc. Cách đứng lớp, chương trình cơ bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp giáo viên-phụ huynh, và phương pháp giảng dạy dựa trên sự nghiên cứu là vài trong số những chủ đề huấn luyện cho giáo viên mới vào nghề.

**Sách Giáo Khoa và Học Liệu: Hay, Mới và Có Sẵn Cho Các Em**

Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 8 cho các môn Anh văn, toán, lịch sử - khoa học xã hội, giáo dục sức khoẻ, ngoại ngữ, nghệ thuật hình ảnh/nghệ thuật trình diễn, và khoa học đã được khu học chánh chọn dựa theo những sách đã được Bộ Giáo Dục tiểu bang chấp thuận. Hội Đồng Giáo Dục Khu Học Chánh Garden Grove cũng đã tự chọn sách giáo khoa từ lớp 9 đến 12 cho những môn học kể trên. Sách giáo khoa từ lớp mẫu giáo đến lớp 12 cho các môn toán, lịch sử-khoa học xã hội, khoa học, Anh văn bao gồm môn đọc hiểu, và ngoại ngữ đều theo sát với các tiêu chuẩn về nội dung đã được tiểu bang chấp thuận trong khuôn khổ của tiểu bang hoặc toàn quốc gia theo lịch trình áp dụng của tiểu bang. Sách cho môn giáo dục sức khoẻ sẽ được chọn theo cấp lớp từ mẫu giáo đến lớp 6 một khi các tiêu chuẩn tiểu bang được Hội Đồng Giáo Dục tiểu bang chấp thuận.

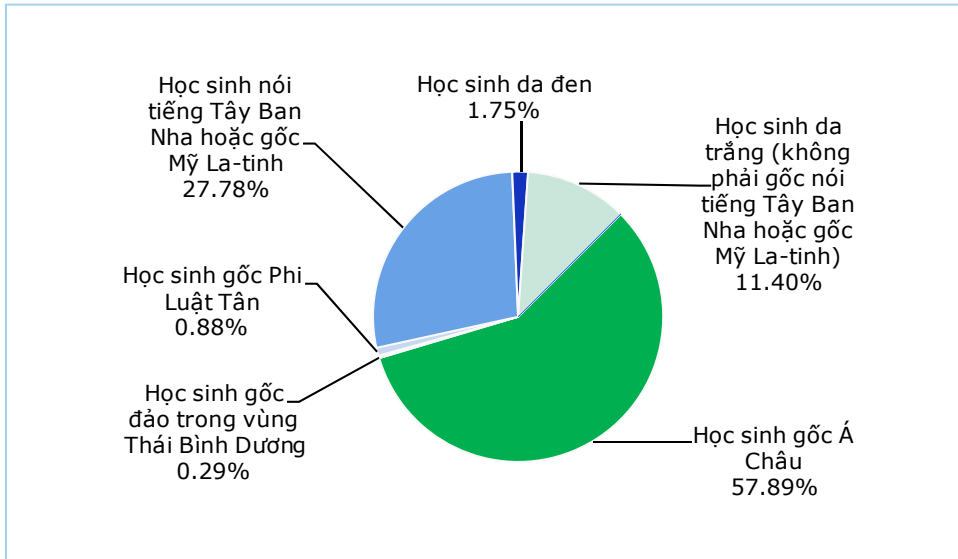
Tất cả học sinh trong Khu Học Chánh Garden Grove, kể cả học sinh đang trau dồi tiếng Anh, đều có đầy đủ sách giáo khoa và vật liệu học tập trong đó gồm dụng cụ phòng thí nghiệm khoa học ở cấp lớp 9 đến 12 còn trong tình trạng mới và tốt theo đúng các quy định của Bộ Giáo Dục. Số lượng sách giáo khoa và vật liệu học tập được cung cấp đầy đủ cho học sinh dùng trong lớp và mang về nhà.

Sách giáo khoa các môn học chính hiện đang sử dụng tại trường và năm được chọn đưa vào sử dụng là:

| Môn Học  | Sử Dụng Từ Năm |
|--|----------------|
| Đọc / Các môn để luyện tiếng Anh   | 2002-03        |
| Toán   | 2000-01**      |
| Lịch sử - Khoa học xã hội  | 2007-08        |
| Khoa học   | 2007-08        |
| Nghệ thuật hình ảnh - Nghệ thuật trình diễn  | 1998-99        |
| Giáo dục sức khoẻ (Cách sống lành mạnh, Những kỹ năng cần thiết trong đời sống)  | 2004-05        |
| ** Sách giáo khoa mới môn toán cho các lớp từ mẫu giáo đến lớp 12 đang được dùng thử tại một số trường trong năm nay và sẽ được đưa vào sử dụng tại tất cả các trường trong khu học chánh kể từ năm học 2009-10. |                |
| * Dữ kiện này được khu học chánh thu thập và kiểm chứng vào tháng Chín 2008.   |                |

### Số Học Sinh Ghi Danh và Thành Phần Sắc Dân

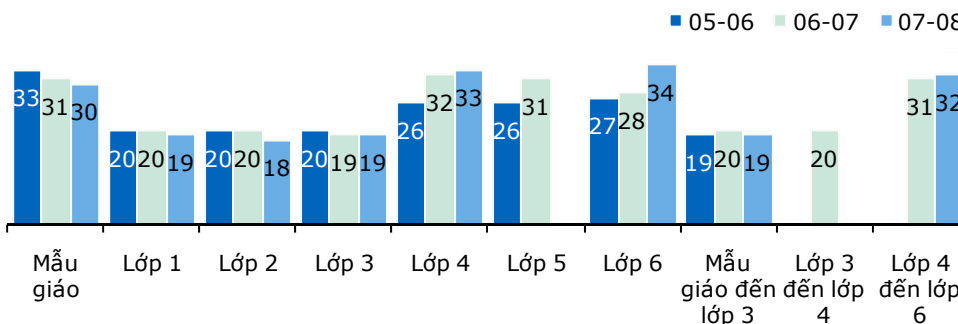
Trong năm học 2008-2009 trường Tiểu Học Monroe có tổng số 342 học sinh.\*



\* Dữ kiện này được báo cáo vào ngày 1 tháng Mười năm 2008

### Số Học Sinh Trong Lớp Theo Từng Môn Học

Dưới đây là số học sinh trung bình trong mỗi lớp trong 3 năm qua.



| Việc Phân Loại Số Học Sinh Trong Lớp — Số Lớp Học Tính Theo Số Học Sinh Trong Lớp |         |       |     |         |       |     |         |       |     |
|---|---------|-------|-----|---------|-------|-----|---------|-------|-----|
| Lớp   | 2005-06 |       |     | 2006-07 |       |     | 2007-08 |       |     |
|   | 1-20    | 21-32 | 33+ | 1-20    | 21-32 | 33+ | 1-20    | 21-32 | 33+ |
| Mẫu giáo  |         |       | 1   |         | 1     |     |         | 1     |     |
| Lớp 1   | 2       |       |     | 1       |       |     | 1       |       |     |
| Lớp 2   | 2       |       |     | 2       |       |     | 1       |       |     |
| Lớp 3   | 2       |       |     | 2       |       |     | 2       |       |     |
| Lớp 4   |         | 2     |     |         | 1     |     |         |       | 1   |
| Lớp 5   | 1       |       | 2   |         | 1     |     |         |       |     |
| Lớp 6   |         | 2     |     |         | 2     |     |         |       | 1   |
| Mẫu giáo đến lớp 3  | 2       |       |     | 2       |       |     | 3       |       |     |
| Lớp 3 đến lớp 4   |         |       |     | 1       |       |     |         |       |     |
| Lớp 4 đến lớp 6   |         |       |     |         | 1     |     |         | 1     | 1   |

### Sử Dụng Internet Công Cộng

Những học sinh nào không có dịch vụ Internet tại nhà thì có thể sử dụng máy điện toán có Internet tại các thư viện công cộng tọa lạc trong Khu Học Chánh Garden Grove để tải xuống bài vở và xem Bản Tổng Kết Hàng Năm của Trường (School Accountability Report Cards). Việc sử dụng Internet tại các thư viện sẽ theo nguyên tắc ai đến trước dùng trước. Ngoài ra sẽ có một vài hạn chế khi sử dụng Internet tại những nơi đó như giờ mở cửa, thời gian được sử dụng máy điện toán (còn tùy thuộc vào việc có máy hay không), những loại nhu liệu có sẵn trong máy, và việc có in được hay không.

Xin xem dưới đây danh sách những thư viện trong vùng:

#### Thư Viện Công Cộng Anaheim (Anaheim Public Library)

Số điện thoại: (714) 765-1880;  
Địa chỉ Internet: [www2.anaheim.net/custom.cfm?name=welcome\\_library.cfm](http://www2.anaheim.net/custom.cfm?name=welcome_library.cfm)

#### Thư Viện Công Cộng Quận Hạt Cam (Orange County Public Library)

Số điện thoại: (714) 566-3000;  
Địa chỉ Internet: [www.ocpl.org](http://www.ocpl.org)

Dành cho những thành phố thuộc phạm vi Khu Học Chánh Garden Grove sau đây:

- Cypress
- Fountain Valley
- Westminster
- Garden Grove
- Stanton

#### Thư Viện Công Cộng Santa Ana (Santa Ana Public Library)

Số điện thoại: (714) 647-5250;  
Địa chỉ Internet: [www.ci.santa-ana.ca.us/library/](http://www.ci.santa-ana.ca.us/library/)

### Tình Trạng Phòng Ốc của Trường – Kết Quả Kiểm Tra và Đánh Giá

Bảng dưới đây tóm tắt kết quả kiểm tra gần đây nhất về tình trạng sân bãi, phòng ốc, và phòng vệ sinh của trường. Mẫu Kiểm Tra Phòng Ốc (Facilities Inspection Tool, viết tắt là FIT) được dùng để ghi nhận phòng ốc ở trường có ở trong tình trạng “còn tốt” hay không, dựa theo những yếu tố kiểm tra được liệt kê dưới đây. Phụ huynh có thể nói chuyện với hiệu trưởng để biết thêm chi tiết về tình trạng phòng ốc của trường.

| Tình Trạng Phòng Ốc của Trường và Những Sự Bảo Trì  |                    |     |     |     |
|---|--------------------|-----|-----|-----|
| Hạng Mục Được Kiểm Tra                              | Tình Trạng Bảo Trì |     |     |     |
|   | Tốt                | Khá | Xấu |     |
| Khí đột rò rỉ                                       | ✓                  |     |     |     |
| Hệ thống máy móc                                    | ✓                  |     |     |     |
| Cửa sổ / Cửa ra vào / Cổng (bên trong và bên ngoài) | ✓                  |     |     |     |
| Mặt trong (tường, sàn, và trần nhà)                 | ✓                  |     |     |     |
| Vật liệu nguy hiểm (bên trong và bên ngoài)         | ✓                  |     |     |     |
| Cấu trúc bị hư hại                                  | ✓                  |     |     |     |
| An toàn hoả hoạn                                    | ✓                  |     |     |     |
| Điện (bên trong và bên ngoài)                       | ✓                  |     |     |     |
| Sâu mọt / Chuột bọ phá hoại                         | ✓                  |     |     |     |
| Vòi nước để uống (bên trong và bên ngoài)           | ✓                  |     |     |     |
| Phòng vệ sinh                                       | ✓                  |     |     |     |
| Cống rãnh   | ✓                  |     |     |     |
| Sân chơi / Sân trường                               | ✓                  |     |     |     |
| Mái nhà   | ✓                  |     |     |     |
| Tình trạng sạch sẽ tổng quát                        | ✓                  |     |     |     |
| Tóm Tắt Tổng Quát Tình Trạng Phòng Ốc               |                    |     |     |     |
|   | Rất tốt            | Tốt | Khá | Xấu |
| <b>Tóm Tắt Tổng Quát Tình Trạng Phòng Ốc</b>        |                    | ✓   |     |     |

Ngày kiểm tra trường và hoàn tất mẫu FIT gần đây nhất: 7 tháng Mười năm 2008

### Sự An Toàn ở Trường

Duy trì một môi trường học tập an toàn và trật tự là rất cần thiết. Tất cả các trường trong khu học chánh đều đóng kín cổng và khách khi có khách đến viếng thăm trường, họ phải lập tức ghi tên tại văn phòng trường trước khi bước chân vào khuôn viên trường. Việc ra vào trường được ban giám hiệu, thầy cô giáo, và các nhân viên khác của trường giám sát.

Tất cả các trường đều lập các ban bảo vệ an toàn cho nhân viên, và phải có những kế hoạch tối hảo để bảo vệ an toàn cho trường mà những kế hoạch này được duyệt lại và cập nhật vào mỗi đầu năm học. Những kế hoạch bảo vệ an toàn này gồm có các biện pháp đối phó tình trạng khẩn cấp, hiểu rõ các cấp báo động về an ninh của Bộ Nội An, nội quy của trường và quy định về cách ăn mặc của học sinh.

Các ban bảo vệ an toàn cho trường gồm nhân viên ban giảng huấn và nhân viên văn phòng họp với nhau để bàn thảo việc bảo vệ an toàn cho học sinh và nhân viên của trường. Vào đầu năm học tất cả học sinh đều được phát cuốn cẩm nang an toàn khi có động đất. Các trường tiểu học tổ chức các buổi thực tập phòng cháy mỗi tháng, trong khi đó các trường trung cấp tổ chức ít nhất một năm 4 lần, và các trường trung học tổ chức ít nhất một năm 2 lần. Các trường tiểu học tổ chức các buổi thực tập ẩn núp (khi có động đất và trong trường hợp khẩn cấp) mỗi ba tháng trong khi đó các trường trung cấp và trung học tổ chức ít nhất mỗi học kỳ một lần.

### Tình Trạng Phòng Ốc của Trường – Thông Tin Tổng Quát

Khu Học Chánh Garden Grove hãnh diện đã duy trì được phòng ốc sạch đẹp, giúp ích cho việc giảng dạy và học tập. Ban vệ sinh trường và ban bảo trì của khu học chánh tổ chức một hệ thống kiểm tra nhằm bảo đảm tất cả phòng ốc, sân bãi, đều sạch sẽ, an toàn, được bảo quản kỹ, và trong tình trạng còn tốt. Tất cả phòng học, sân chơi và nơi làm việc của nhân viên đều đáp ứng các quy định của Bộ Luật Giáo Dục về sức chứa của mỗi phòng hay của sân chơi.

Hội Đồng Giáo Dục đã chuẩn thuận một chương trình bảo quản 5 năm để nâng cấp trường lớp, trong khi đó các dự án sửa sang lớn được chuẩn thuận hàng năm khi có nhu cầu. Một nhóm do khu học chánh lập ra chuyên đi tẩy xóa hình chữ vẽ bậy trên tường nhằm giúp gìn giữ trường lớp đẹp đẽ.

Trường Tiểu Học Monroe khánh thành vào năm 1964. Trường có 20 phòng học cố định. Ngoài ra, trường còn có thư viện, phòng thực tập máy điện toán, phòng đa dụng, văn phòng của giáo viên lớp bổ túc đặc biệt, phòng để dạy phát âm, phòng hội họp, và phòng làm việc và nghỉ của giáo viên.

Những chương trình tu bổ vừa hoàn tất tại trường trong thời gian gần đây gồm có việc tráng và sơn lại bãi đậu xe.



**Đuổi Học Tạm Thời và Đuổi Luôn**

| Tỷ Lệ Học Sinh Bị Đuổi Học Tạm Thời và Bị Đuổi Luôn |        |       |       |               |       |       |
|---|--------|-------|-------|---------------|-------|-------|
|   | Trường |       |       | Khu Học Chánh |       |       |
|   | 05-06  | 06-07 | 07-08 | 05-06         | 06-07 | 07-08 |
| <b>Tỷ Lệ Bị Đuổi Học Tạm Thời</b>                   | 0.043  | 0.034 | 0.063 | 0.026         | 0.025 | 0.031 |
| <b>Tỷ Lệ Bị Đuổi Luôn</b>                           | 0.000  | 0.000 | 0.000 | 0.0001        | 0.000 | 0.000 |

**Đuổi Học Tạm Thời và Đuổi Luôn**

Bảng kể bên trình bày tỷ lệ học sinh bị đuổi học tạm thời và bị đuổi luôn ở cấp trường và cấp khu học chánh trong khoảng thời gian 3 năm trở lại đây.

**Các Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California**

| Tỷ Lệ Phần Trăm Học Sinh Đạt Trình Độ Thông Thạo hoặc Cao |        |       |       |               |       |       |                      |       |       |
|---|--------|-------|-------|---------------|-------|-------|----------------------|-------|-------|
| Năm Kiểm Tra  | Trường |       |       | Khu Học Chánh |       |       | Tiểu Bang California |       |       |
|   | 05-06  | 06-07 | 07-08 | 05-06         | 06-07 | 07-08 | 05-06                | 06-07 | 07-08 |
| <b>Anh văn</b>  | 48%    | 50%   | 62%   | 43%           | 45%   | 48%   | 42%                  | 43%   | 46%   |
| <b>Toán</b>   | 64%    | 63%   | 66%   | 49%           | 47%   | 47%   | 40%                  | 40%   | 43%   |
| <b>Khoa học</b>   | 17%    | 31%   | 43%   | 41%           | 46%   | 52%   | 35%                  | 38%   | 46%   |

**Các Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California (California Standards Tests)**

Các Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của California (California Standards Test, viết tắt là CST) chỉ dành cho học sinh tại các trường công trong tiểu bang California. Các trắc nghiệm này nhằm đánh giá thành tích học tập của học sinh so với các tiêu chuẩn giáo dục của tiểu bang California (California Academic Content Standards) và nhằm nhận xét trình độ của các em dựa trên kiến thức về từng môn học theo cấp lớp.

Vì các trắc nghiệm nhằm để đo lường mức độ học sinh đạt được các tiêu chuẩn hơn là để so sánh với các học sinh khác nên kết quả được báo cáo theo trình độ. Có năm trình độ là:

- **Cao (Advanced)**  
*(vượt tiêu chuẩn tiểu bang)*
- **Thông thạo (Proficient)**  
*(đạt tiêu chuẩn tiểu bang)*
- **Căn bản (Basic)**
- **Hơi kém (Below basic)**
- **Quá kém (Far below basic)**

Khi học sinh đạt trình độ thông thạo hoặc cao thì có nghĩa là học sinh đạt các tiêu chuẩn của tiểu bang về môn học đó.

Bảng kể bên trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh đạt trình độ thông thạo hoặc cao ở môn Anh văn, toán và khoa học. Để có bản tường trình đầy đủ tất cả các môn và điểm số theo cấp lớp, mời vào địa chỉ: <http://star.cde.ca.gov/>.

**Kết Quả Bài Trắc Nghiệm Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang California Theo Nhóm Học Sinh Thuộc Các Môn: Anh văn, Toán, và Khoa học**

| Tỷ Lệ Phần Trăm Học Sinh Đạt Trình Độ Thông Thạo hoặc Cao                     |                              |      |          |
|---|------------------------------|------|----------|
| Nhóm  | Kết Quả Học Kỳ Mùa Xuân 2008 |      |          |
|   | Anh văn                      | Toán | Khoa học |
| <b>Nam sinh</b>   | 53%                          | 72%  | 60%      |
| <b>Nữ sinh</b>  | 62%                          | 59%  | 30%      |
| <b>Học sinh nghèo và thiệt thòi xã hội</b>                                    | 53%                          | 54%  | ❖        |
| <b>Học sinh đang trau dồi tiếng Anh</b>                                       | 38%                          | 51%  | ❖        |
| <b>Học sinh khuyết tật</b>  | 8%                           | 22%  | ❖        |
| <b>Học sinh nhận dịch vụ dành cho trường hợp di chuyển trường theo cha mẹ</b> | ❖                            | ❖    | ❖        |
| <b>Học sinh da đen</b>  | ❖                            | ❖    | ❖        |
| <b>Học sinh da đỏ hoặc gốc Alaska</b>   | ❖                            | ❖    | ❖        |
| <b>Học sinh gốc Á Châu</b>  | 71%                          | 77%  | 37%      |
| <b>Học sinh gốc Phi Luật Tân</b>  | ❖                            | ❖    | ❖        |
| <b>Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh</b>                     | 40%                          | 41%  | ❖        |
| <b>Học sinh gốc đảo trong vùng Thái Bình Dương</b>                            | ❖                            | ❖    | ❖        |
| <b>Học sinh da trắng</b>  | 56%                          | 59%  | ❖        |

❖ Trong trường hợp chỉ có 10 hay dưới 10 học sinh dự thi thì trường sẽ không công bố kết quả điểm thi vì hai lý do: về thống kê như vậy là không chính xác và để giữ kín danh tánh học sinh.

**Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (2007-08)**

| Tiêu Chuẩn về Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (AYP) |                |             |                |             |
|--|----------------|-------------|----------------|-------------|
|  | Trường         |             | Khu Học Chánh  |             |
| <b>Đạt toàn bộ mức AYP</b>                         | Không Đạt      |             | Không Đạt      |             |
| <b>Tiêu chuẩn của mức AYP</b>                      | <b>Anh văn</b> | <b>Toán</b> | <b>Anh văn</b> | <b>Toán</b> |
| <b>Tỷ lệ tham gia</b>                              | Đạt            | Đạt         | Đạt            | Đạt         |
| <b>Phần trăm đạt mức thông thạo</b>                | Không Đạt      | Đạt         | Không Đạt      | Không Đạt   |
| <b>Chỉ số API</b>                                  | Đạt            |             | Đạt            |             |
| <b>Tỷ lệ tốt nghiệp</b>                            | ◇              |             | Đạt            |             |

◇ n/a có nghĩa là không áp dụng hoặc không có. Tỷ lệ tốt nghiệp theo tiêu chuẩn AYP áp dụng cho các trường trung học.

**Chỉ Số Về Trình Độ Học (API)**

| Phân Hạng API – So Sánh Trong 3 Năm             |       |       |       |
|---|-------|-------|-------|
|   | 04-05 | 05-06 | 06-07 |
| <b>Phân hạng API trên toàn tiểu bang</b>        | 7     | 6     | 7     |
| <b>Phân hạng API của các trường tương đương</b> | 4     | 2     | 4     |

| So Sánh Trong 3 Năm Sự Tăng Trưởng của Chỉ Số Về Trình Độ Học (API) Theo Nhóm Học Sinh |                             |       |       |                          |
|--|-----------------------------|-------|-------|--------------------------|
| Nhóm   | Chỉ Số API Thật Sự Thay Đổi |       |       | Điểm API Năm Học 2007-08 |
|  | 05-06                       | 06-07 | 07-08 |                          |
| <b>Tất cả học sinh tại trường</b>  | -15                         | 18    | 19    | 827                      |
| <b>Học sinh da đen</b>   | ■                           | ■     | ■     | ■                        |
| <b>Học sinh da đỏ hoặc gốc Alaska</b>  | ■                           | ■     | ■     | ■                        |
| <b>Học sinh gốc Á Châu</b>   | -2                          | -7    | 20    | 883                      |
| <b>Học sinh gốc Phi Luật Tân</b>   | ■                           | ■     | ■     | ■                        |
| <b>Học sinh nói tiếng Tây Ban Nha hoặc gốc Mỹ La-tinh</b>                              | -68                         | 43    | 37    | 703                      |
| <b>Học sinh gốc đảo trong vùng Thái Bình Dương</b>                                     | ■                           | ■     | ■     | ■                        |
| <b>Học sinh da trắng</b>   | 51                          | ■     | ■     | ■                        |
| <b>Học sinh nghèo và thiệt thòi xã hội</b>   | -30                         | 17    | -7    | 770                      |
| <b>Học sinh đang trau dồi tiếng Anh</b>  | 1                           | 7     | -13   | 801                      |
| <b>Học sinh khuyết tật</b>   | ■                           | ■     | ■     | 613                      |

■ Số liệu báo cáo chỉ nêu những nhóm học sinh chiếm đa số.

**Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress)**

Đạo luật Giúp Học Sinh Học Tiến (NCLB Act) của liên bang quy định rằng tất cả trường và khu học chánh phải đạt được các quy định về Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress, viết tắt là AYP). Để đạt được các tiêu chuẩn này, các trường công và khu học chánh tại tiểu bang California phải đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong 4 lãnh vực:

1. Tỷ lệ học sinh tham gia trong các cuộc kiểm tra đánh giá trên toàn tiểu bang
2. Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt mức thông thạo trong các cuộc kiểm tra đánh giá của tiểu bang
3. Điểm số API
4. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học

Để có bản tường trình chi tiết về Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm, xin ghé vào địa chỉ:

[www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/](http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay/).

**Chỉ Số Về Trình Độ Học (Academic Performance Index)**

Chỉ Số Về Trình Độ Học (Academic Performance Index, viết tắt là API) là sự đo lường hàng năm về trình độ học và sự tiến bộ của các trường tại California. Chỉ số API dựa trên thang điểm từ 200 đến 1,000, với 800 điểm được ấn định là mục tiêu cho toàn tiểu bang. Các trường được phân theo 10 hạng mục cùng cỡ từ 1 (thấp nhất) đến 10 (cao nhất). Trường được so sánh với 100 trường khác có "cùng các đặc tính" dựa theo thống kê. Các bảng kế bên trình bày dữ kiện về phân hạng API và sự tăng trưởng API của trường trong 3 năm qua. Muốn biết thêm chi tiết, mời vào địa chỉ: [www.cde.ca.gov/ta/ac/ap](http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ap).

**Ghi Chú:** Số liệu báo cáo chỉ nêu những nhóm học sinh chiếm đa số. Các trường nào (1) có các nhóm học sinh dưới 100 em thì chưa có số liệu HOẶC (2) các nhóm học sinh chỉ chiếm dưới 15% trên tổng số học sinh được trắc nghiệm toàn trường và có dưới 50 em đạt điểm hợp lệ cũng không có số liệu cụ thể.

### Những Lớp Dạy Các Môn Chính Được Giáo Viên Thuộc Chương Trình Giúp Trẻ Em Học Tiến (Năm học 2007-08)

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm những lớp dạy các môn chính được giáo viên thuộc lần không thuộc chương trình Giáo Dục Trẻ Em Học Tiến (No Child Left Behind, viết tắt là NCLB) giảng dạy tại trường này, tại tất cả các trường thuộc khu học chánh, tại các trường có tỷ lệ cao học sinh nghèo, và tại các trường có tỷ lệ thấp học sinh nghèo. Muốn biết thêm chi tiết về tiêu chuẩn trình độ giáo viên theo quy định của chương trình NCLB mời vào địa chỉ trang mạng của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California tại: [www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/](http://www.cde.ca.gov/nclb/sr/tq/).

| Những Môn Chính Do Giáo Viên Thuộc Chương Trình Giúp Học Sinh Học Tiến (NCLB) Giảng Dạy |  |  |
|---|--|--|
|   | % các lớp do giáo viên thuộc chương trình NCLB giảng dạy | % các lớp do giáo viên không thuộc chương trình NCLB giảng dạy |
| <b>Trường này</b>   | 100.0%   | 0.0%   |
| <b>Tất cả các trường thuộc khu học chánh</b>  | 96.9%  | 3.1%   |
| <b>Các trường có tỷ lệ cao học sinh nghèo trong khu học chánh</b>                       | 94.4%  | 5.6%   |
| <b>Các trường có tỷ lệ thấp học sinh nghèo trong khu học chánh</b>                      | 96.9%  | 3.1%   |

### Khả Năng Giảng Dạy của Giáo Viên

Bảng này trình bày con số giáo viên được phân bổ đến trường với bằng sư phạm thực thụ, con số không có bằng sư phạm thực thụ, và những giáo viên dạy ngoài lãnh vực chuyên môn. Muốn biết thêm chi tiết về khả năng giảng dạy của giáo viên mời vào địa chỉ trang mạng của Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California tại: <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/>.

| Thông Tin về Bằng Sư Phạm của Giáo Viên |               |              |              |              |
|---|---------------|--------------|--------------|--------------|
| Giáo viên                               | Khu Học Chánh | Trường       |              |              |
|   |               | 05-06        | 06-07        | 07-08        |
| <b>Giáo viên</b>                        | <b>07-08</b>  | <b>05-06</b> | <b>06-07</b> | <b>07-08</b> |
| <b>Có bằng sư phạm</b>                  | 2,152         | 19           | 18           | 16           |
| <b>Không có bằng sư phạm</b>            | 49            | 0            | 0            | 0            |
| <b>Dạy ngoài lãnh vực chuyên môn</b>    |               | 0            | 0            | 0            |

### Bổ Nhiệm Giáo Viên Không Đúng Chuyên Môn và Thiếu Giáo Viên

Bảng này trình bày con số các việc bổ nhiệm giáo viên không đúng chuyên môn (là những giáo viên được phân bổ mà không có sự cho phép hợp lệ theo luật) và con số những vị trí còn thiếu giáo viên (là những vị trí không được đảm nhận bởi giáo viên được phân bổ dạy trọn một môn học vào đầu năm học hay vào đầu học kỳ) tại trường. Tổng số các việc phân bổ giáo viên không đúng sự cho phép bao gồm cả con số những sự phân bổ các giáo viên dạy tiếng Anh không đúng sự cho phép.

| Bổ Nhiệm Giáo Viên Không Đúng Chuyên Môn và Tình Trạng Thiếu Giáo Viên |       |       |       |
|--|-------|-------|-------|
|  | 06-07 | 07-08 | 08-09 |
| <b>Việc bổ nhiệm các giáo viên dạy tiếng Anh không chuyên môn</b>      | 2     | 2     | 0     |
| <b>Tổng số việc bổ nhiệm giáo viên không đúng chuyên môn</b>           | 2     | 2     | 0     |
| <b>Các lớp còn thiếu giáo viên</b>                                     | 0     | 0     | 0     |

### Giám Định của Tiểu Bang California về Tình Trạng Thể Chất (California Physical Fitness Test)

Vào mỗi mùa Xuân, tất cả học sinh các lớp 5, 7, và 9 phải tham dự cuộc Giám Định của Tiểu Bang California về Tình Trạng Thể Chất (California Physical Fitness Test, viết tắt là PFT). Cuộc giám định này xem xét 6 yếu tố duy trì thể chất khoẻ mạnh:

1. Sự điều hoà hơi thở (Aerobic Capacity)
2. Thân hình đều đặn (Body Composition)
3. Sức mạnh ở vùng bụng (Abdominal Strength)
4. Sức co giãn của thân hình (Trunk Extension Strength)
5. Sức mạnh phần trên cơ thể (Upper Body Strength)
6. Sự dẻo dai của cơ thể (Flexibility)

Để đạt tiêu chuẩn thể chất tốt, học sinh phải đạt điểm trong ô Thể Chất Sức Khỏe Tốt (Healthy Fitness Zone, viết tắt là HFZ) trên tất cả sáu lãnh vực kiểm tra. Trong năm học 2007-08, 46.50% phần trăm học sinh lớp 5 tại trường đạt điểm trong ô HFZ. Để biết thêm chi tiết về cuộc giám định của tiểu bang California về tình trạng thể chất, mời vào địa chỉ: [www.cde.ca.gov/ta/tq/pf/](http://www.cde.ca.gov/ta/tq/pf/).

**Chương Trình Theo Dõi và Can Thiệp của Liên Bang**

| Chương Trình Theo Dõi và Can Thiệp của Liên Bang           |                          |                          |
|--|--------------------------|--------------------------|
|  | Trường                   | Khu Học Chánh            |
| Tình trạng của chương trình Cải Tiến Chương Trình Học (PI) | Có trong chương trình PI | Có trong chương trình PI |
| Năm đầu cải tiến chương trình học                          | 2007-08                  | 2008-09                  |
| Số năm trong chương trình cải tiến chương trình học        | Năm thứ 2                | Năm thứ 1                |
| Tổng số trường phải cải tiến chương trình học              |                          | 5                        |
| Tỷ lệ phần trăm các trường phải cải tiến chương trình học  |                          | 7.5%                     |

✧ n/a có nghĩa là không áp dụng hoặc không có. Trường này không phải là trường phải cải tiến chương trình học.

**Thông Tin về Lương Bổng của Khu Học Chánh, Năm Học 2006-07 \***

| Thông Tin về Lương Bổng của Khu Học Chánh           |                            |                            |
|---|----------------------------|----------------------------|
| Mức lương   | Khu Học Chánh Garden Grove | Khu Học Chánh Khác Cùng Cỡ |
| Lương giáo viên mức khởi đầu                        | \$47,432                   | \$40,721                   |
| Lương giáo viên mức trung bình                      | \$76,772                   | \$65,190                   |
| Lương giáo viên mức cao nhất                        | \$92,656                   | \$84,151                   |
| Lương trung bình của hiệu trưởng (trường Tiểu Học)  | \$105,055                  | \$104,476                  |
| Lương trung bình của hiệu trưởng (trường Trung Cấp) | \$116,160                  | \$108,527                  |
| Lương trung bình của hiệu trưởng (trường Trung Học) | \$126,152                  | \$119,210                  |
| Lương của trường khu học chánh                      | \$233,203                  | \$210,769                  |
| % ngân sách dành trả lương cho giáo viên            | 43.3%                      | 39.9%                      |
| % ngân sách dành trả lương cho nhân viên hành chính | 4.1%                       | 5.5%                       |

\* Thông tin tài chính mới nhất do Bộ Giáo Dục Tiểu Bang California cung cấp.

**Thông Tin Tài Chánh Năm Học 2006-07**

| Dữ Kiện Tài Chánh của Trường     |  |  |
|----------------------------------|--|--|
| Tổng số chi phí cho một học sinh | Tổng số chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền bị giới hạn | Tổng số chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn |
| \$8,342                          | \$2,940  | \$5,402  |

| So Sánh Vài Số Liệu Tài Chánh            |  |                                |
|--|--|--------------------------------|
|  | Tổng số chi phí cho một học sinh từ nguồn tiền không bị giới hạn | Lương trung bình của giáo viên |
| Trường                                   | \$5,402  | \$78,096                       |
| Khu học chánh                            | \$5,201  | \$74,404                       |
| Tiểu bang                                | \$5,300  | \$65,008                       |
| % khác biệt giữa trường và khu học chánh | 3.73%  | 4.73%                          |
| % khác biệt giữa trường và tiểu bang     | 1.89%  | 16.76%                         |

**Chương Trình Theo Dõi và Can Thiệp của Liên Bang (Federal Intervention Program)**

Nếu không đạt được Mức Tiến Bộ Tối Thiểu Hàng Năm (Adequate Yearly Progress, viết tắt là AYP) trong 2 năm liên tiếp trong cùng một nội dung học (Anh văn hoặc Toán) hoặc trên cùng một chỉ số (chỉ số API hoặc tỷ lệ tốt nghiệp) thì những trường đang nhận tài trợ của chương trình Title I phải tham gia vào chương trình Cải Tiến Chương Trình Học (Program Improvement, viết tắt là PI). Mỗi năm mà trường không đạt được mục tiêu AYP thì mức độ theo dõi và can thiệp sẽ tăng lên. Bảng kê bên trình bày tình trạng Cải Tiến Chương Trình Học trong năm học 2008-09 của trường và của khu học chánh. Muốn biết thêm chi tiết, mời vào địa chỉ: [www.cde.ca.gov/ta/ac/ay](http://www.cde.ca.gov/ta/ac/ay).



**SARC:** Muốn biết thêm chi tiết về các trường và khu học chánh tại California mời vào địa chỉ của DataQuest tại: <http://data1.cde.ca.gov/dataquest>. DataQuest là một nguồn thông tin trực tuyến cung cấp các bản báo cáo gồm có bản tổng kết hàng năm của trường, kết quả trắc nghiệm, số học sinh ghi danh, số học sinh tốt nghiệp, số học sinh bỏ học, số học sinh ghi danh trong các lớp, nhân viên nhà trường và các số liệu về những học sinh đang trau dồi tiếng Anh.

Tất cả số liệu chính xác tính đến thời điểm: Tháng Hai năm 2009